

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2020

V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Chi

2. Ông Huỳnh Lâm

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký TAND huyện Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh Đặng Ngọc Tr, địa chỉ: 94/15 Tổ 39 Phường H2, quận H, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin vắng mặt

- **Bị đơn:** chị Phạm Thị Như Ng, HKTT: khu D, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đặng Ngọc Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, anh Đặng Ngọc Tr và chị Phạm Thị Như Ng tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đến năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Chị Ng bỏ đi khỏi nhà nên vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau từ năm 2012 đến nay.

Nay anh Tr xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Như Ng để anh được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 02 cháu là Đặng Ngọc Phương L, sinh ngày 14/3/2009 và Đặng Ngọc B, sinh ngày 12/11/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung sống với anh Tr. Nay anh Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng,

giáo dục hai cháu L và B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung anh Tr khai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại đơn xin xác nhận chữ ký ngày 30/6/2020, bị đơn chị Phạm Thị Như Ng trình bày: Chị Ng và anh Tr tự nguyện kết hôn hợp pháp vào năm 2010, trong quá trình chung sống đến năm 2012, do chị buôn bán thua lỗ, anh Tr và gia đình chửi mắng, xua đuổi chị nên chị bỏ đi, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy thời gian sống ly thân đã quá dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: vợ chồng có 02 cháu là Đặng Ngọc Phương L, sinh ngày 14/3/2009 và Đặng Ngọc B, sinh ngày 12/11/2010. Khi chị Ng bỏ đi các cháu sống với anh Tr cho đến nay. Chị Ng đồng ý giao hai cháu B và Linh cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung chị Ng không có yêu cầu gì.

Tại hồ sơ vụ án, các cháu Đặng Ngọc B và Đặng Ngọc Phương L khai có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là anh Đặng Ngọc Tr khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Đặng Ngọc Tr thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn Phạm Thị Như Ng đã gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về ba mối quan hệ trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đảm bảo theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Tr và chị Ng đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Tr được ly hôn với chị Ng. Về con chung đề nghị giao hai cháu Đặng Ngọc Phương L (sinh ngày 14/3/2009) và Đặng Ngọc B (sinh ngày 12/11/2010) cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung anh Tr và chị Ng không yêu cầu Tòa can thiệp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Đặng Ngọc Tr khởi kiện ly hôn đối với chị Phạm Thị Như Ng, có hộ khẩu thường trú tại Khu D, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Ngọc Tr và bị đơn Phạm Thị Như Ng đã thực hiện đầy đủ việc nộp văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình về các vấn đề liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Đặng Ngọc Tr và bị đơn Phạm Thị Như Ng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Ngọc Tr và chị Phạm Thị Như Ng thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào năm 2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của chị Ng, anh Tr thì thấy: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Tr là do vợ chồng bất đồng quan điểm, còn theo chị Ng là do chị làm ăn, buôn bán thua lỗ nên anh Tr và gia đình xua đuổi, mắng chửi chị. Từ năm 2012 vợ chồng sống ly thân, chị Ng bỏ đi làm ăn xa nên vợ chồng không liên lạc với nhau. Tại hồ sơ vụ án anh Tr cương quyết ly hôn, chị Ng cũng cho rằng vợ chồng đã ly thân nhiều năm, tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Qua kết quả xác minh cho thấy chị Ng và anh Tr có xác lập quan hệ vợ chồng và có 02 con chung, nhưng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2012 đến nay như lời anh chị trình bày là đúng sự thật.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Ng, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr, xử cho anh Tr được ly hôn với chị Ng là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của anh Tr và chị Ng về quan hệ con chung thì thấy ý kiến thống nhất của anh Tr, chị Ng về việc giao hai con chung là Đặng Ngọc Phương L (sinh ngày 14/3/2009) và Đặng Ngọc B (sinh ngày 12/11/2010) cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các cháu B, Linh nên chấp nhận.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh Tr, chị Ng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Tr, chị Ng khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Tr phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự
Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho anh Đặng Ngọc Tr được ly hôn với chị Phạm Thị Như Ng.

- *Về con chung:* Giao cho anh Đặng Ngọc Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Đặng Ngọc Phương L (sinh ngày 14/3/2009) và Đặng Ngọc B (sinh ngày 12/11/2010) cho đến khi các cháu L, Bình đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Ngọc Tr không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Như Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) anh Đặng Ngọc Tr phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) anh Tr đã nộp theo biên lai thu số 0003686 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Đại Lộc.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đại Lộc
- UBND P H2
- Chi cục THADS H.Đại Lộc
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh